

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Bản án số: 71/2025/HS-PT
Ngày: 14/5/2025

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Vĩnh Chuyển

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Long

Ông Trần Hữu Vinh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Hồng Linh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Mỹ Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2025/TLPT-HS ngày 04 tháng 4 năm 2025 đối với bị cáo Trần Thị Thủy T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo kháng cáo: **TRẦN THỊ THỦY T** sinh ngày xx/xx/20xx tại tỉnh Hà Tĩnh; nơi ĐKNKTT: Thôn CT, xã TA, huyện DT, tỉnh Hà Tĩnh; chỗ ở: Tổ xx, thôn HP, xã H, huyện HV, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đình H và bà Phan Thị Thanh H1; có chồng là Lê Huy C và 01 con sinh năm 2024; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 01/12/2023, Trần Thị Thủy T được Công ty TNHH A tuyển dụng vào làm việc tại cửa hàng Đ – thuộc Công ty cổ phần T1 có trụ sở tại đường QX, thuộc thôn TL xã HP, huyện HV, thành phố Đà Nẵng, với công việc là nhân viên bán hàng,

tư vấn sản phẩm Xiaomi. Trong thời gian làm việc tại đây, T tham gia vào một trang mạng đầu tư tiền ảo nên thường xuyên nạp tiền vào trang mạng này để rút tiền lãi. Sau đó, do hết tiền để nạp nên T bắt đầu nảy sinh ý định trộm cắp tài sản tại cửa hàng Đ nhằm đem cầm cố để lấy tiền đầu tư. Khi rút được tiền hoa hồng thì T sẽ đem chuộc lại điện thoại để trả cho cửa hàng. Sau một thời gian Tiên quan sát phát hiện các tủ chứa điện thoại mới tại cửa hàng không có người trông coi thường xuyên. Do đó, trong thời gian từ ngày 16/3/2024 đến ngày 12/4/2024, trong các ca làm việc của mình, T đã lén lút đến các tủ chứa điện thoại, dùng tay mở các hộp điện thoại rồi lấy điện thoại cất giấu vào trong người sau đó để hộp lại nguyên vị trí cũ. Để không bị phát hiện, T vẫn tiếp tục làm việc đến khi hết ca như bình thường. Với thủ đoạn như trên, T đã chiếm đoạt tổng cộng 40 chiếc điện thoại thuộc các hãng Samsung, Oppo và Xiaomi.

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ 40 chiếc điện thoại mà T chiếm đoạt và 56 hợp đồng cầm đồ do các chủ tiệm cầm đồ giao nộp.

Theo Kết luận định giá số 26 ngày 23/5/2024 của Hội đồng định giá thường xuyên Ủy ban nhân dân huyện HV, thành phố Đà Nẵng kết luận: Tổng giá trị 40 chiếc điện thoại nêu trên là 174.751.400 đồng (Một trăm bảy mươi tư triệu, bảy trăm năm mươi một nghìn, bốn trăm đồng).

Sau khi chiếm đoạt 40 chiếc điện thoại nêu trên, T đem cầm cố tại 03 cửa hàng cầm đồ khác nhau, cụ thể:

Từ ngày 16/3/2024 đến ngày 11/4/2024, T cầm cố 08 điện thoại di động gồm: 03 điện thoại di động hiệu Redmi 12 màu đen; 02 điện thoại di động hiệu Redmi 13C màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galxy A05 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu S2 A25 5G màu đen tại tiệm C1 tại thôn L, xã HT, huyện HV, thành phố Đà Nẵng do chị Phan Thị L làm chủ. Khi cầm cố, T tự giới thiệu mình là nhân viên làm hồ sơ mua điện thoại trả góp tại một cửa hàng trên đường HP, thành phố Đà Nẵng, do khách mua trả góp nhờ cầm giúp, khi kiểm tra chị L thấy điện thoại còn mới, không có mặt khẩu nên không nghi ngờ gì về nguồn gốc 08 điện thoại nêu trên mà nhận cầm cố với số tiền 17.300.000 đồng. Số tiền này sau đó T đã nạp vào tài khoản ảo trên mạng hết.

Từ ngày 26/3/2024 đến ngày 08/4/2024, T đem cầm cố 05 điện thoại di động gồm: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Redmi Note 13 Pro màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A58 màu đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 11F 5G màu xanh; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo Reno 11F 5G màu xanh đen; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Xiaomi 13T Pro màu đen tại tiệm C2 tại thôn TL, xã HP, huyện HV, thành phố Đà Nẵng do bà Trần Thị S làm chủ. Tại đây, T nói với bà S các điện thoại này là của cán bộ Công an 113 đóng quân trên địa bàn xã HN, huyện HV, thành phố Đà Nẵng nên bà S không nghi ngờ gì nguồn gốc mà đồng ý cầm cố

với số tiền 19.500.000 đồng, T đã trả số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền còn lại 18.500.000 đồng T đã nạp vào tài khoản ảo trên mạng hết.

Từ ngày 03/4/2024 đến ngày 12/4/2024, T đem cầm cố 27 điện thoại di động gồm: 05 điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 màu đen; 04 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A15 màu đen; 03 điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 màu xanh; 02 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A05 màu đen; 02 điện thoại di động hiệu S2 A25 5G màu đen; 02 điện thoại di động hiệu Oppo A58 màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A58 màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11F 5G màu xanh đen; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A35 5G màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13C màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Oppo A38 màu vàng đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 13 Pro màu xanh; 01 điện thoại di động hiệu Redmi 13C màu đen; 01 điện thoại di động hiệu Oppo Reno 11 5G màu xanh, tại cửa hàng C3 ở thôn P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng do anh Hồ Hoàng L1 làm quản lý. Tại đây, T nói với anh L1 mình là chủ cửa hàng điện thoại di động, do nhập hàng về bán nhiều quá nhưng do cần tiền để giải quyết công việc mà không thể vay mượn nên đem cầm cố bớt một số điện thoại để giải quyết công việc. Anh L1 đã tin tưởng là thật nên đồng ý cầm cố với số tiền là 71.350.000 đồng, T đã trả số tiền 1.000.000 đồng. Số tiền 70.350.000 đồng còn lại T đã nộp vào tài khoản ảo trên mạng hết.

Với nội dung trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trần Thị Thủy T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”

Về hình phạt: Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thủy T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí và thông báo quyền kháng cáo bản án.

Ngày 14/3/2025, bị cáo Trần Thị Thủy T có đơn kháng cáo với nội dung: Xin cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị Thủy T thay đổi nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về thủ tục: Đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thủy T theo đúng thủ tục và trong thời hạn kháng cáo nên đảm bảo hợp lệ.

Về nội dung: Xét Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp. Tuy nhiên mức 01 năm 06 tháng tù đối với bị cáo là có phần nghiêm khắc đối với tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân và hoàn cảnh hiện nay của bị cáo nên xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo, sớm trở về nuôi con nhỏ, trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo 06 tháng tù, bị cáo còn phải chấp hành hình phạt 01 năm tù cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong khoảng thời gian từ ngày 16/3/2024 đến ngày 12/4/2024, Trần Thị Thủy T - là nhân viên bán hàng, tư vấn sản phẩm của cửa hàng Đ (*trụ sở tại đường QX, thôn TL, xã HP, huyện HV, thành phố Đà Nẵng*) đã lợi dụng khu vực tủ chứa điện thoại mới của cửa hàng không có người trông coi, có hành vi lén lút mở các hộp điện thoại rồi lấy điện thoại cất giấu trong người rồi mang đi cầm cố cho các tiệm cầm đồ trên địa bàn huyện HV. Để không bị phát hiện, T để lại hộp điện thoại ở vị trí cũ rồi tiếp tục làm việc đến khi hết ca như bình thường. Với thủ đoạn trên, Trần Thị Thủy T đã chiếm đoạt tổng cộng 40 chiếc điện thoại các loại với tổng giá trị 174.751.400 đồng.

Vì vậy, Bản án hình sự sơ thẩm số 15/2025/HS-ST ngày 28/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét nội dung đơn kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thủy T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, do đó đối với bị cáo cần phải xử lý nghiêm. Tòa án

cấp sơ thẩm khi xét xử đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng đồng thời áp dụng thêm Điều 54 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là đã có phần chiều cố đối với bị cáo. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ mới. Hội đồng xét xử thấy rằng bị cáo phạm tội nhiều lần, tài sản chiếm đoạt có giá lớn, lên đến 174.751.400 đồng (trong khi đó bị cáo bị truy tố theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự với tình tiết định khung “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”). Mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[3] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4] Bị cáo Trần Thị Thủy T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Thị Thủy T, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ: Điểm c khoản 2 Điều 173; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm b, n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Thị Thủy T 01 (Một) năm 06 (S1) tháng tù** về tội “*Trộm cắp tài sản*”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Thị Thủy T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV – CA Tp Đà Nẵng;
- TAND huyện Hòa Vang;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- CQCSĐT CAH Hòa Vang;
- Chi cục THADS huyện Hòa Vang;
- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Vĩnh Chuyển